

Số: /2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2022

DỰ THẢO 1

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi của các kỳ thi, cuộc thi, hội thi
trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA, KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài
chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng
đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang bao gồm:

- a) Thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia;
- b) Thi tuyển sinh đầu cấp;
- c) Thi tốt nghiệp trung học phổ thông;
- d) Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi;

đ) Thi khoa học kỹ thuật;

e) Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông;

g) Các cuộc thi, hội thi: Thi văn nghệ; thi tìm hiểu kiến thức pháp luật; thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi; thi cán bộ quản lý giỏi; hội thao giáo dục quốc phòng an ninh; các cuộc thi khảo sát, đánh giá; thi vẽ tranh; thi bé khỏe, đẹp, tài năng; thi giáo viên tài năng, duyên dáng; thi tin học trẻ.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

b) Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này là mức chi quy định đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh; cấp huyện, cấp trường trung học phổ thông bằng 70% cấp tỉnh; cấp trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở bằng 60% cấp tỉnh.

c) Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Chi phí theo thực tế để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi

a) Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi (nếu có);

b) Chi thuê địa điểm thi, địa điểm chấm thi (nếu có);

c) Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, chấm thi; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi.

2. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra trước và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại của những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Tiền công chi cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

TIỀN CÔNG CHI CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /7/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	Thi học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp Quốc gia		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	340
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	310
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	270
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	230
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	220
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	275
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao		
	- Chủ tịch	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	250
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	240
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	110
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi		
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	260
	- Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	210
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	110

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách		
	- Tổ trưởng	Người/ngày	260
	- Ủy viên	Người/ngày	220
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	270
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	340
	- Công an	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	115
6	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150
7	Tiền công tập huấn các đội tuyển học sinh giỏi văn hóa các cấp		
7.1	Chi ôn luyện đội tuyển quốc gia thi Olympic quốc tế		
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	300
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	180
	- Chi cán bộ phụ trách lớp đội tuyển (gồm công tác quản lý và phục vụ)	Đội tuyển/ngày	60
7.2	Chi đội tuyển ôn luyện thi học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia	Thời gian thanh toán không quá 3 tháng. Thi cấp tỉnh bằng 70% định mức này; Thi cấp huyện, TP bằng 70% cấp tỉnh	
	- Chi biên soạn và giảng dạy (giáo viên dạy đội tuyển, 3 tiết/buổi)	Tiết	250
	- Chi tiền ăn, nước uống cho học sinh đội tuyển	Người/ngày	30

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính Đội tuyển/ngày	Mức chi
			45
II	Thi tuyển sinh đầu cấp		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng ra đề thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	340
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	310
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	270
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	230
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	220
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	275
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng in sao		
	- Chủ tịch	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	250
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	240
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, bảo vệ	Người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	110
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	300
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	280
	- Ủy viên	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	235
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	160
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng coi thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	260
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	210

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
		Người/ngày	110
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Tổ làm phách		
	- Tổ Trưởng	Người/ngày	260
	- Ủy viên	Người/ngày	220
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm phúc khảo, Hội đồng chấm thẩm định bài thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch (cách ly)	Người/ngày	270
	- Phó chủ tịch (không cách ly)	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	340
	- Công an	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	115
7	Chi ăn cho thành viên Hội đồng ra đề thi, Hội đồng in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế ra đề, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi, in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150
8	Chi tiền công Hội đồng xét tuyển sinh đầu cấp phổ thông	Xét công nhận tốt nghiệp THCS bằng 70% mức này	
	- Chủ tịch	Người/ngày	195
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	185
	- Thư ký	Người/ngày	170
	- Ủy viên	Người/ngày	165
	- Phục vụ	Người/ngày	65
III	Thi tốt nghiệp THPT		
1	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban in sao		
	- Trưởng ban	Người/ngày	290
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	250
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	240
	- Thư ký (cách ly)	Người/ngày	220
	- Thư ký (không cách ly)	Người/ngày	210
	- Ủy viên, công an, thanh tra (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
		Người/ngày	115
	Tiền công cho Ban vận chuyển đề và bàn giao đề thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Ủy viên, công an	Người/ngày	205
	- Phục vụ, lái xe	Người/ngày	110
2	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chỉ đạo		
	- Trưởng ban	Người/ngày	300
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	280
	- Ủy viên	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	235
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	160
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên Hội đồng thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	280
	- Phó Chủ tịch	Người/ngày	250
	- Ủy viên	Người/ngày	240
4	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban thư ký Hội đồng thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	240
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	225
	- Ủy viên	Người/ngày	205
5	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban coi thi		
	- Trưởng điểm thi	Người/ngày	260
	- Phó trưởng điểm thi	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, giám thị, thanh tra, công an, quân đội.	Người/ngày	210
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	110
6	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban làm phách		
	- Trưởng ban	Người/ngày	260
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	240
	- Thư ký, ủy viên	Người/ngày	220
	- Công an (cách ly)	Người/ngày	210
	- Công an (không cách ly)	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ	Người/ngày	110
7	Tiền công cho các chức danh là thành viên Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban chấm thẩm định bài thi		
	- Trưởng ban	Người/ngày	290

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Phó trưởng ban (cách ly)	Người/ngày	270
	- Phó trưởng ban (không cách ly)	Người/ngày	245
	- Thư ký	Người/ngày	230
	- Ủy viên, thanh tra	Người/ngày	240
	- Tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/đợt chấm thi	200
	- Kỹ thuật viên	Người/ngày	340
	- Công an	Người/ngày	200
	- Nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ	Người/ngày	115
8	Chi ăn cho thành viên Ban ra đề thi, Ban in sao đề thi, những người làm phách tập trung trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Thời gian thực tế in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	225
	- Thời gian chờ hết thời gian tổ chức thi mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ in sao đề thi, làm phách	Người/ngày	150
IV	Thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi		
1	Chấm bản báo cáo biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, hồ sơ dự thi (chi phí của cả hội đồng)	Biện pháp	60
2	Chi hội đồng chấm thi thực hành (trình bày biện pháp)	Giáo viên dự thi	200
V	Thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh		
1	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	290
	- Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	270
	- Ủy viên, Thư ký, giám khảo	Người/ngày	230
	- Phục vụ	Người/ngày	110
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài	Người/ngày	Theo mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên tại NQ số 27/2018/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/12/2018
2	Tổ giám sát		
	- Tổ trưởng	Người/ngày	250
	- Thành viên	Người/ngày	230
VI	Thi cấp chứng chỉ nghề phổ thông		
1	Tiền công Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	240

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	210
	- Thư ký	Người/ngày	190
	- Ủy viên ra đề lý thuyết và thực hành	Người/ngày	200
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	110
2	Tiền công Hội đồng coi thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	120
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	110
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi	Người/ngày	100
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	70
3	Tiền công Hội đồng chấm thi		
	- Chủ tịch	Người/ngày	120
	- Phó chủ tịch	Người/ngày	110
	- Thư ký	Người/ngày	100
	- Ủy viên chấm bài thi lý thuyết và thực hành	Người/ngày	100
	- Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	70
VII	Các cuộc thi khác: Thi văn nghệ. Thi tìm hiểu kiến thức pháp luật. Thi giáo viên làm tổng phụ trách đội giỏi. Thi cán bộ quản lý giỏi. Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh. Các cuộc khảo sát, đánh giá. Thi vẽ tranh. Thi Bé khỏe, đẹp, tài năng. Thi Giáo viên tài năng, duyên dáng. Thi tin học trẻ		
1	Chăm báo cáo sáng kiến kinh nghiệm/biện pháp (chi phí của cả hội đồng)	Sáng kiến	40
2	Tiền công Ban tổ chức		
	- Trưởng ban	Người/ngày	250
	- Phó trưởng ban	Người/ngày	220
	- Thành viên	Người/ngày	190
3	Tiền công Ban thư ký		
	- Trưởng ban	Người/ngày	190
	- Thành viên	Người/ngày	170
3	Tiền công Ban ra đề		
	- Trưởng ban	Người/ngày	210
	- Thành viên	Người/ngày	190
	- Phục vụ	Người/ngày	90
4	Tiền công Ban giám khảo, Ban chấm thi/Hội đồng chấm thi		
	- Trưởng ban/Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	250
	- Phó trưởng ban/Phó chủ tịch hội đồng	Người/ngày	220
	- Trưởng tiểu ban	Người/ngày	200
	- Thành viên/Ủy viên, thư ký, giám khảo	Người/ngày	190

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
			Theo mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên tại NQ số 27/2018/NQ- HĐND tỉnh ngày 07/12/2018
	- Giám khảo là các chuyên gia thuê ngoài (đối với thi văn nghệ)	Người/ngày	
	- Phục vụ	Người/ngày	90
5	Chấm bài khảo sát, đánh giá (định mức chi cho cán bộ chấm)	Bài	13